

# PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH TẠI VIỆT NAM: CÔNG CỤ VÀ GIẢI PHÁP THEN CHỐT

NGUYỄN NHÂM\*

Ngày nhận bài: 2/2/2026; Ngày phản biện: 2/2/2026; Ngày duyệt đăng: 10/2/2026.

*Phát triển kinh tế xanh là yêu cầu tất yếu, cấp bách và là định hướng chiến lược quan trọng của Việt Nam nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và đảm bảo công bằng xã hội, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Bài viết phân tích hệ thống công cụ chính sách, kinh tế - tài chính, kỹ thuật và công nghệ, xã hội và hợp tác nhằm thúc đẩy nền kinh tế theo hướng ít phát thải carbon, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ hệ sinh thái và đảm bảo công bằng xã hội; đồng thời, đề xuất các giải pháp then chốt để hệ thống công cụ này phát huy hiệu quả trong phát triển kinh tế xanh.*

**Từ khóa:** Kinh tế xanh; Phát triển kinh tế xanh; Việt Nam.

## 1. Phát triển kinh tế xanh và hệ thống công cụ phát triển kinh tế xanh

### *Phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam*

Kinh tế xanh là mô hình kinh tế hướng đến việc cải thiện phúc lợi con người và công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu đáng kể các rủi ro môi trường và sự khan hiếm tài nguyên sinh thái. Đây không phải là một lĩnh vực kinh tế riêng biệt, mà là phương thức phát triển mới, trong đó các hoạt động kinh tế (sản xuất, tiêu dùng) đều được định hướng lại theo hướng bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu; sử dụng hiệu quả tài nguyên, phát triển dựa trên vốn tự nhiên; thúc đẩy tiến bộ và công bằng xã hội.

Các trụ cột chính của kinh tế xanh bao gồm: 1) Hiệu quả tài nguyên và kinh tế tuần hoàn (chuyển từ mô hình “khai thác - sản xuất - thải bỏ”

sang mô hình tuần hoàn, khép kín); 2) Năng lượng sạch và tái tạo (giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch bằng cách phát triển năng lượng mặt trời, gió, sinh khối...); 3) Hạ tầng xanh và bền vững (xây dựng các công trình tiết kiệm năng lượng, giao thông công cộng phát thải thấp, đô thị xanh); 4) Bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái (coi vốn tự nhiên là nền tảng cho phát triển kinh tế lâu dài); 5) Phúc lợi xã hội và công bằng (việc làm xanh, tiếp cận công bằng các dịch vụ cơ bản, giảm bất bình đẳng).

Phát triển kinh tế xanh mang lại lợi ích to lớn cả về kinh tế, môi trường và xã hội. Về kinh tế, kinh tế xanh tạo động lực tăng trưởng mới và mở ra các thị trường mới; nâng cao năng lực cạnh tranh và đổi mới sáng tạo; giảm thiểu rủi ro và chi phí từ biến đổi khí hậu và ô nhiễm; đồng thời, thu hút đầu tư và nguồn vốn tài chính xanh. Các công ty như Tesla (xe điện), Patagonia (thời trang bền

\* Viện Chiến lược Quốc phòng, Bộ Quốc phòng

vững) đã xây dựng được lợi thế cạnh tranh vượt trội và thương hiệu mạnh nhờ đi tiên phong trong mô hình kinh doanh xanh. Theo BloombergNEF, đầu tư toàn cầu cho chuyển đổi sang năng lượng phát thải thấp đạt mức kỷ lục 2.100 tỷ USD trong năm 2024; giai đoạn 2025-2030, tổng mức đầu tư toàn cầu cần đạt khoảng 5.600 tỷ USD/năm (Nguyễn Hoài Thanh, 2024). Về môi trường và tài nguyên, kinh tế xanh giúp giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu; sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm khai thác; bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học. Sự phát triển nhanh chóng của điện mặt trời và điện gió đã giúp nhiều quốc gia giảm cường độ phát thải carbon trong ngành điện. Theo dữ liệu từ Cơ quan Năng lượng quốc tế (IEA) và Cơ quan Năng lượng tái tạo quốc tế (IRENA), hiện có 7 quốc gia trên thế giới sản xuất gần như toàn bộ điện năng từ các nguồn năng lượng tái tạo (Kim Oanh, 2024). Về xã hội, phát triển kinh tế xanh giúp tạo việc làm “xanh” chất lượng cao; nâng cao sức khỏe cộng đồng; đảm bảo công bằng và ổn định xã hội; nâng cao chất lượng sống và phúc lợi. Báo cáo năm 2024 của IRENA cho thấy, ngành năng lượng tái tạo toàn cầu đã tạo ra hơn 16,2 triệu việc làm trong năm 2023 (năm 2022 là 13,7 triệu) (Tổ Quyên, 2024). Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), IRENA và Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) dự báo, chuyển đổi xanh sẽ tạo ra 25 triệu việc làm mới trên toàn cầu vào năm 2030 (Anh Tuấn, 2025). Một nghiên cứu gần đây cho thấy, việc đẩy mạnh chuyển đổi từ nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng sạch có thể giúp Mỹ giảm tới 6.000 ca tử vong sớm mỗi năm vào năm 2030 (Hoàng Anh, 2025).

**Hệ thống công cụ phát triển kinh tế xanh**

Để nền kinh tế phát triển theo hướng ít phát thải carbon, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ hệ

sinh thái và đảm bảo công bằng xã hội, cần sử dụng hiệu quả các công cụ (chính sách, kinh tế - tài chính, kỹ thuật và công nghệ, xã hội và hợp tác) trong một tổng thể thống nhất, có tính liên kết.

Một là, công cụ chính sách, gồm: 1) Quy hoạch và chiến lược quốc gia, như: Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia; kế hoạch hành động quốc gia về kinh tế xanh; quy hoạch phát triển ngành, vùng; 2) Khung pháp lý và tiêu chuẩn, gồm các luật như: Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học; tiêu chuẩn, quy chuẩn về phát thải và chất lượng môi trường; các quy định về sản xuất và tiêu dùng bền vững; 3) Cơ chế giám sát và đánh giá, gồm hệ thống chỉ tiêu thống kê xanh; báo cáo và kiểm toán môi trường; giám sát việc tuân thủ.

Công cụ chính sách giữ vai trò định hướng, tạo lập khuôn khổ pháp lý và là động lực trung tâm thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang kinh tế xanh. Một hệ thống chính sách toàn diện, đồng bộ, linh hoạt và khả thi sẽ tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia, qua đó thúc đẩy tăng trưởng bền vững, bảo vệ môi trường và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Hai là, công cụ kinh tế - tài chính, gồm: 1) Thuế và phí, như thuế bảo vệ môi trường; thuế carbon; phí xả thải, phí chất thải rắn; 2) Hỗ trợ tài chính và ưu đãi, gồm trợ giá, hỗ trợ vốn đầu tư cho năng lượng tái tạo, công nghệ sạch; ưu đãi thuế và tín dụng cho doanh nghiệp xanh, dự án xanh; trái phiếu xanh; Quỹ Phát triển xanh, Quỹ Bảo vệ môi trường; 3) Thị trường định giá carbon và môi trường, như hệ thống giao dịch tín chỉ carbon; cơ chế bồi hoàn đa dạng sinh học, chi trả dịch vụ môi trường; đầu tư công, bao gồm ngân sách nhà nước cho hạ tầng xanh như giao thông công cộng, xử lý chất thải...; mua sắm công xanh, ưu tiên mua sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường.

Các công cụ kinh tế - tài chính đóng vai trò là đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, qua đó khuyến khích và thúc đẩy các hoạt động kinh tế thân thiện với môi trường; hạn chế và điều chỉnh các hoạt động gây ô nhiễm, lãng phí tài nguyên; huy động và phân bổ vốn một cách hiệu quả cho tăng trưởng xanh; tạo động lực kinh tế trực tiếp để doanh nghiệp và người dân chuyển đổi sang mô hình xanh.

Ba là, công cụ kỹ thuật và công nghệ, gồm: 1) Đổi mới và chuyển giao công nghệ, như nghiên cứu và phát triển công nghệ xanh, vật liệu mới, tuần hoàn; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ sạch, tiết kiệm tài nguyên; 2) Hạ tầng kỹ thuật xanh, gồm hệ thống năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió; hạ tầng giao thông xanh như xe điện, giao thông công cộng; hệ thống xử lý, tái chế chất thải hiện đại; 3) Số hóa và ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm hệ thống giám sát tài nguyên và môi trường thông minh dựa trên internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data); các nền tảng kết nối, chia sẻ thông tin về kinh tế tuần hoàn và thị trường carbon.

Công cụ kỹ thuật và công nghệ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng xanh và bền vững; phát triển hạ tầng đô thị và giao thông bền vững; hỗ trợ công tác quản lý và ra quyết định dựa trên dữ liệu; tạo động lực kinh tế mới và nâng cao năng lực cạnh tranh, qua đó góp phần hiện thực hóa các mục tiêu phát triển kinh tế xanh.

Bốn là, công cụ xã hội và hợp tác, gồm: 1) Nâng cao năng lực và nhận thức xã hội thông qua đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; tích hợp giáo dục môi trường và phát triển bền vững vào hệ thống giáo dục; hình thành lối sống xanh, thúc đẩy tiêu dùng bền vững; 2) Thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp và cộng đồng, khuyến khích đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp xanh; nâng cao năng lực cho người tiêu dùng; 3) Hợp tác

quốc tế, chủ động thu hút nguồn tài chính, chuyển giao công nghệ tiên tiến và tiếp thu tri thức từ các tổ chức quốc tế; tích cực tham gia và thực thi các hiệp định, sáng kiến toàn cầu về ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Trên thực tế, một số quốc gia trên thế giới đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc sử dụng các công cụ phát triển kinh tế xanh. Điển hình như Đan Mạch đã áp dụng chính sách thuế carbon nghiêm ngặt; đầu tư mạnh vào năng lượng gió; hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp xanh. Hơn 55% sản lượng điện của nước này đến từ điện gió và điện mặt trời (Hà Thị Hồng, 2025). Đức áp dụng biểu giá ưu đãi cho năng lượng tái tạo; đầu tư vào lưới điện thông minh. Hàn Quốc ưu đãi thuế cho công nghệ xanh, sử dụng ngân sách xanh lên đến 2% GDP hàng năm (Bảo Thắng, 2021); vận hành hệ thống giao dịch phát thải (ETS) từ năm 2015 (Huy Nguyễn, 2024). Nhật Bản thúc đẩy kinh tế xanh thông qua chiến lược toàn diện, bao gồm thuế xanh (ưu đãi cho doanh nghiệp thân thiện môi trường), đầu tư công nghệ xanh, tạo việc làm xanh, và chính sách xã hội hướng tới tiêu dùng bền vững; kết hợp chặt chẽ giữa công nghệ cao, tài chính chuyển đổi và quy định nghiêm ngặt về tuần hoàn tài nguyên nhựa để đạt mục tiêu trung hòa carbon.

## 2. Thực trạng sử dụng các công cụ phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam

### *Thành tựu đạt được*

Việt Nam là một trong những quốc gia thuộc nhóm tiên phong thúc đẩy phát triển kinh tế xanh. Các công cụ phát triển kinh tế xanh đang được triển khai ở nhiều cấp độ, từ chính sách vĩ mô đến các dự án cụ thể.

Một là, khung chính sách ngày càng được hoàn thiện, giữ vai trò định hướng, tạo khuôn khổ pháp lý, và là động lực trung tâm thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang kinh tế xanh. Theo đó, Thủ tướng

Chính phủ đã ký ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050; Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030. Cùng với việc hoàn thiện thể chế trong nước, Việt Nam cũng đưa ra cam kết mạnh mẽ tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) về mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 (Văn Toàn, 2021). Cơ sở pháp lý cho phát triển kinh tế xanh tiếp tục được củng cố thông qua hệ thống văn bản pháp lý tương đối đầy đủ và đa dạng, như: Luật Bảo vệ môi trường (năm 2020); Luật Đầu tư (năm 2020); Luật Doanh nghiệp (năm 2020, sửa đổi, bổ sung năm 2025); Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2025).

*Hai là*, công cụ tài chính xanh phát triển nhanh. Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Đề án Phát triển ngân hàng xanh, đồng thời xây dựng và phổ biến nhiều tài liệu hướng dẫn, tiêu biểu như: Sổ tay hướng dẫn hệ thống quản lý rủi ro môi trường - xã hội (ESMS) (Minh Ánh, 2025), Sổ tay đánh giá rủi ro môi trường và xã hội cho 10 ngành kinh tế trong hoạt động cấp tín dụng (Vũ Nhung, 2025). Thị trường trái phiếu xanh tại Việt Nam trở thành kênh huy động vốn quan trọng cho các dự án bền vững. Cùng với đó, các cơ chế hỗ trợ và công cụ tài chính xanh được triển khai tương đối đồng bộ, bước đầu hình thành hệ sinh thái tài chính xanh, bao gồm các công cụ giảm thiểu rủi ro và khuyến khích tín dụng xanh, như bảo lãnh tín dụng xanh, bảo hiểm xanh. Bên cạnh nguồn vốn trong nước, các dòng vốn đầu tư cũng được mở rộng, như đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) xanh vào các lĩnh vực trọng điểm; các quỹ đầu tư chuyên biệt (Quỹ Bảo vệ môi trường, Quỹ Đầu tư mạo hiểm, Quỹ Tăng trưởng xanh).

*Ba là*, các công cụ định giá carbon đang được

nghiên cứu và áp dụng. Thuế carbon đặt mức giá trực tiếp cho mỗi tấn khí nhà kính, qua đó buộc các tác nhân kinh tế phải trả chi phí cho ô nhiễm môi trường. Hệ thống giao dịch phát thải (ETS) được thiết kế theo hướng thiết lập giới hạn tổng lượng phát thải và cho phép các doanh nghiệp mua bán, giao dịch quyền phát thải (hạn ngạch). Bên cạnh đó, tín chỉ carbon đang được xem xét kết nối với thị trường tài chính, gắn với các công cụ như trái phiếu xanh và các khoản vay liên kết với chỉ số giảm phát thải.

*Bốn là*, các công cụ thị trường và hỗ trợ tài chính khác được sử dụng tương đối hiệu quả. Các cơ chế như nhân sinh thái và tiêu chuẩn xanh góp phần tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp xanh. Việc cắt giảm trợ cấp đối với các ngành gây hại cho môi trường như nhiên liệu hóa thạch và chuyển sang trợ cấp tái định hướng cho đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển (R&D) công nghệ xanh từng bước được triển khai. Hợp tác công - tư (PPP) trong lĩnh vực xanh được tăng cường, qua đó thu hút kỹ năng, công nghệ và nguồn vốn tư nhân vào các dự án hạ tầng xanh quy mô lớn. Đồng thời, nhiều ngân hàng đã triển khai các gói tín dụng quy mô nhỏ hỗ trợ hộ gia đình và cá nhân đầu tư vào các giải pháp xanh, như bình nước nóng năng lượng mặt trời, bếp cải tiến...

*Năm là*, các công cụ kỹ thuật và công nghệ được ứng dụng ngày càng mạnh mẽ. Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia dẫn đầu trong khối Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) về phát triển năng lượng tái tạo. Các công nghệ điện mặt trời áp mái, trang trại điện mặt trời, điện gió được ứng dụng rộng rãi; công nghệ inverter, pin lưu trữ và turbine gió hiệu suất cao ngày càng phổ biến. Trong các lĩnh vực khác, công nghệ tưới tiên tiến, công nghệ sinh học, công nghệ xử lý chất thải như ủ compost, tái chế chất thải rắn, cùng với hệ thống quan trắc tự động

nước thải, khí thải được ứng dụng rộng rãi. Bên cạnh đó, các công trình xanh và công nghệ vật liệu xanh ngày càng được chú trọng trong quá trình phát triển.

Sáu là, hợp tác quốc tế ngày càng đa dạng, hiệu quả. Việt Nam tăng cường hợp tác đa phương và tham gia tích cực các cơ chế toàn cầu, khu vực như: Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu (COP21); Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP); Kế hoạch hành động ASEAN về kinh tế xanh; đồng thời, hợp tác với các chương trình của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO)... để xây dựng chính sách, nâng cao năng lực và thí điểm các mô hình kinh tế xanh; mở rộng hợp tác với các đối tác phát triển thông qua nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) nhằm cung cấp vốn ưu đãi, chuyển giao công nghệ và tư vấn kỹ thuật cho các dự án hạ tầng xanh và năng lượng sạch. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp và dự án xanh tại Việt Nam cũng từng bước tiếp cận nguồn vốn vay, trái phiếu xanh, tín dụng carbon từ các định chế tài chính quốc tế và quỹ đầu tư tư nhân.

### **Hạn chế và thách thức**

Thứ nhất, hệ thống chính sách còn phân tán, thiếu đồng bộ và chưa có cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả; khung pháp lý chưa đầy đủ (thiếu các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xanh đồng bộ, còn chồng chéo hoặc chưa đủ mạnh để tạo động lực thúc đẩy chuyển đổi). Bên cạnh đó, còn thiếu một cơ quan đầu mối đủ mạnh để điều phối liên ngành về kinh tế xanh. Các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ chưa thực sự hấp dẫn, trong khi năng lực tổ chức và thực thi chính sách, đặc biệt ở cấp địa phương còn yếu, nhất là trong giám sát và thanh tra.

Thứ hai, nguồn lực tài chính hạn chế, thiếu vốn đầu tư cho công nghệ xanh, hạ tầng bền vững do

chi phí cao, rủi ro lớn và lợi nhuận ban đầu thường thấp. Các sản phẩm tài chính xanh còn nghèo nàn, chủ yếu tập trung vào tín dụng xanh; thị trường vốn xanh còn sơ khai, chưa thu hút mạnh mẽ dòng vốn tư nhân. Nhiều doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ) gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn ưu đãi cho các dự án xanh. Theo số liệu của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI, 2024), dư nợ tín dụng đối với các dự án xanh mới chỉ chiếm khoảng 4-5% tổng dư nợ tín dụng của nền kinh tế. Bên cạnh đó, chi phí tuân thủ khi áp dụng công nghệ xanh, sản xuất xanh còn cao, tạo áp lực lớn đối với doanh nghiệp.

Thứ ba, công nghệ sản xuất xanh, tiên tiến chủ yếu phải nhập khẩu với chi phí cao, trong khi hạ tầng kỹ thuật còn thiếu và chưa đồng bộ, đặc biệt là hệ thống thu gom, xử lý và tái chế chất thải. Năng lực đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xanh trong nước còn hạn chế; đội ngũ chuyên gia và lao động có kỹ năng chuyên sâu về kinh tế xanh còn thiếu. Hệ thống đào tạo chưa theo kịp nhu cầu thực tế của thị trường lao động xanh. Bên cạnh đó, nhận thức và mức độ sẵn sàng tham gia chuyển đổi của một bộ phận doanh nghiệp và người dân còn chưa cao.

Thứ tư, cơ cấu kinh tế của Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào các ngành sử dụng nhiều tài nguyên, năng lượng và lao động giá rẻ (dệt may, thép, xi măng...). Áp lực tăng trưởng ngắn hạn đôi khi mâu thuẫn với mục tiêu xanh hóa dài hạn. Tiêu dùng bền vững chưa trở thành xu hướng chủ đạo trong xã hội. Quá trình chuyển đổi xanh còn tiềm ẩn nguy cơ gia tăng bất bình đẳng, đặc biệt đối với các nhóm yếu thế và các ngành truyền thống. Nguy cơ “thất nghiệp xanh” gia tăng khi một số ngành công nghiệp truyền thống như than, luyện kim bị thu hẹp.

Ngoài ra, Việt Nam còn đối mặt với các thách

thức từ hội nhập quốc tế. Áp lực tuân thủ các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường và carbon, điển hình là Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của Liên minh châu Âu (EU), đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn để thích ứng. Đồng thời, sức ép cạnh tranh từ các quốc gia có lợi thế về công nghệ xanh và năng lượng tái tạo ngày càng gia tăng.

### 3. Giải pháp phát huy hiệu quả các công cụ phát triển kinh tế xanh

*Một là, tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi công cụ chính sách và thể chế.*

Cần rà soát, cập nhật và đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán giữa Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia, kế hoạch hành động với các quy hoạch ngành, vùng (năng lượng, giao thông, đô thị, công nghiệp). Lồng ghép chỉ tiêu xanh cụ thể, có tính ràng buộc vào các quy hoạch. Cùng với đó, cần cụ thể hóa khung pháp lý về phát triển kinh tế xanh, sớm ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn chi tiết thi hành các luật liên quan như Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học..., đặc biệt đối với thị trường carbon trong nước, kinh tế tuần hoàn và trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR).

Nghiên cứu xây dựng Luật Kinh tế xanh nhằm tạo khung pháp lý đồng bộ, tích hợp và khắc phục các khoảng trống pháp lý trong phát triển kinh tế xanh; khắc phục tình trạng các quy định hiện hành còn phân tán, rải rác trong nhiều luật như: Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng..., gây khó khăn cho công tác triển khai và giám sát. Tăng cường hoạt động giám sát và đánh giá thông qua việc xây dựng và áp dụng thống nhất hệ thống chỉ tiêu thống kê xanh từ Trung ương đến địa phương, cơ sở. Công khai kết quả kiểm toán môi trường và báo cáo giám sát tuân thủ, gắn với trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước.

*Hai là, đa dạng hóa và nâng cao tính hiệu quả của các công cụ kinh tế - tài chính.*

Thực hiện cải cách thuế, phí môi trường theo hướng mở rộng đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường, điều chỉnh mức thuế hợp lý. Nghiên cứu xây dựng lộ trình áp dụng thuế carbon, có thể bắt đầu với mức thấp và tăng dần theo thời gian; đồng thời, điều chỉnh tăng thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu hóa thạch và các nguyên liệu gây ô nhiễm. Song song với đó, cần phát triển thị trường và các dịch vụ hỗ trợ, xây dựng hệ thống phân loại xanh và chứng nhận xanh tin cậy; phát triển các công ty tư vấn, đánh giá rủi ro môi trường nhằm hạn chế và ngăn ngừa tình trạng “tẩy xanh”.

Phát triển thị trường vốn xanh, đẩy mạnh phát hành trái phiếu xanh cho các dự án hạ tầng xanh và năng lượng tái tạo. Mở rộng quy mô và hoàn thiện cơ chế cho vay ưu đãi của Quỹ Phát triển xanh, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, qua đó thu hút sự tham gia của các ngân hàng thương mại. Đồng thời, cần tăng cường thu hút nguồn vốn ODA, FDI xanh thông qua việc cải thiện môi trường đầu tư, xây dựng chính sách rõ ràng, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, kết hợp với chủ động mở rộng hợp tác quốc tế.

Vận hành hiệu quả Sàn giao dịch tín chỉ carbon Việt Nam theo Nghị định số 29/2026/NĐ-CP ngày 19/1/2026 của Chính phủ về sàn giao dịch carbon trong nước. Theo đó, hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon, cùng các cơ quan, tổ chức sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon phải được đăng ký tập trung trên Hệ thống đăng ký quốc gia. Trong giai đoạn thí điểm, đến hết năm 2028, không thu phí cung cấp dịch vụ trên sàn giao dịch trong nước (Tùng Dương, 2026).

Thúc đẩy mô hình PPP xanh, khuyến khích áp dụng PPP trong các dự án năng lượng tái tạo, hạ tầng đô thị xanh và quản lý chất thải, trong đó Nhà

nước đóng vai trò kiến tạo, dẫn dắt và chia sẻ rủi ro ban đầu. Ban hành và bắt buộc áp dụng các tiêu chí xanh trong đấu thầu và mua sắm công của Nhà nước, ưu tiên các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, có tỷ lệ tái chế cao và thân thiện với môi trường, qua đó tạo lập thị trường ổn định cho doanh nghiệp xanh.

*Ba là, thúc đẩy ứng dụng các công cụ kỹ thuật và công nghệ.*

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước và thu hút nguồn lực tư nhân cho R&D công nghệ xanh, như xử lý chất thải, tái chế, năng lượng tái tạo. Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế hỗ trợ tài chính và ưu đãi thuế rõ ràng nhằm khuyến khích doanh nghiệp đổi mới, áp dụng công nghệ sạch và công nghệ tiết kiệm tài nguyên. Song song với hoạt động R&D, cần đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật nền tảng, tập trung phát triển hạ tầng lưới điện thông minh để tích hợp hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo; phát triển hệ thống giao thông công cộng điện khí hóa và hạ tầng trạm sạc xe điện; xây dựng các khu công nghiệp sinh thái, khu xử lý chất thải tập trung công nghệ cao; nghiên cứu khung thử nghiệm chính sách cho các công nghệ xanh mới.

Xây dựng nền tảng số quốc gia về kinh tế tuần hoàn để kết nối cung - cầu nguyên vật liệu thứ cấp; triển khai hệ thống giám sát môi trường và tài nguyên (nước, rừng, không khí) dựa trên các công nghệ như IoT, viễn thám, trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) phục vụ truy xuất nguồn gốc xanh. Trên cơ sở đó, cần tích cực phát triển các trung tâm (hub) công nghệ xanh tại Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc phát triển các trung tâm này cần gắn với định hướng phát triển của từng miền (miền Bắc, miền Trung và miền Nam), có thể có sự khác biệt và bổ sung cho nhau.

*Bốn là, tăng cường các công cụ xã hội và hợp tác.*

Đổi mới giáo dục và đào tạo, đưa nội dung kinh tế xanh, biến đổi khí hậu, lối sống bền vững vào chương trình giảng dạy ở các cấp học; lồng ghép kiến thức kinh tế xanh trong chương trình đào tạo đại học và dạy nghề. Đẩy mạnh đào tạo lại lực lượng lao động; xây dựng các chương trình chuyển đổi kỹ năng cho lao động trong các ngành than và nhiệt điện, tạo cơ hội việc làm mới khi ngành năng lượng tái tạo phát triển, đảm bảo người lao động không bị bỏ lại phía sau. Bên cạnh đó, cần chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia cao cấp về tài chính xanh, công nghệ môi trường; phát động các chiến dịch truyền thông rộng rãi về tiêu dùng xanh, lối sống bền vững, lan tỏa các hình mẫu thành công trong phát triển kinh tế xanh; thúc đẩy đối thoại và sáng kiến cộng đồng; xây dựng cơ chế phản biện xã hội hiệu quả cho các dự án phát triển; hỗ trợ tài chính ban đầu và tư vấn kỹ thuật cho các start-up xanh, các mô hình kinh tế tuần hoàn cộng đồng.

Chủ động, sáng tạo trong hợp tác quốc tế, xây dựng dự án khả thi để thu hút vốn từ Quỹ Khí hậu xanh (GCF), Ngân hàng Thế giới (WB), vốn ODA ưu đãi và các cam kết tài chính trong khuôn khổ JETP, cũng như từ các đối tác phát triển khác. Tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như: Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)... để thu hút đầu tư, thúc đẩy chuyển giao công nghệ xanh và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Cùng với đó, cần học hỏi kinh nghiệm triển khai từ các quốc gia trên thế giới, như: Chiến lược xanh của Hàn Quốc; mô hình năng lượng tái tạo của Đan Mạch; chính sách chuyển đổi năng lượng của Đức; chính sách thuế của Nhật Bản...

*Tóm lại, phát triển kinh tế xanh đã và đang trở thành một yêu cầu tất yếu và cấp bách đối với Việt*

Nam trên con đường phát triển bền vững. Quá trình này đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ của nhiều nhóm công cụ, trong đó công cụ chính sách giữ vai trò định hướng và tạo dựng khuôn khổ; công cụ kinh tế - tài chính là đòn bẩy và động lực; công cụ kỹ thuật và công nghệ tạo ra các giải pháp hữu hiệu; công cụ xã hội và hợp tác góp phần tạo đồng thuận, nhân rộng tác động và chia sẻ nguồn lực. Các giải pháp then chốt phải được triển khai quyết liệt,

từ việc tạo ra một “kiến trúc chính sách” vững chắc làm nền tảng, kết hợp với hệ thống công cụ kinh tế - tài chính đủ mạnh để dẫn dắt thị trường, được hỗ trợ bởi công nghệ tiên tiến và dựa trên sự tham gia rộng rãi của toàn xã hội. Việc triển khai thành công các giải pháp này không chỉ giúp Việt Nam đạt mục tiêu tăng trưởng bền vững, mà còn góp phần nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu và thực hiện cam kết đạt “Net Zero” vào năm 2050 ■

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anh Tuấn (2025), *Chuyển đổi xanh có thể tạo ra 25 triệu việc làm mới toàn cầu đến năm 2030*, báo Lao động, <https://laodong.vn/cong-doan/chuyen-doi-xanh-co-the-tao-ra-25-trieu-viec-lam-moi-toan-cau-den-nam-2030-1555581.ldo>
2. Bảo Thắng (2021), *Mô hình tăng trưởng xanh cacbon thấp của Hàn Quốc*, báo Nông nghiệp và Môi trường, <https://nongnghiepmoitruong.vn/mo-hinh-tang-truong-xanh-cacbon-thap-cua-han-quooc-d305537.html>
3. Hoàng Anh (2025), *Chuyển đổi năng lượng sạch giúp Mỹ giảm mạnh tử vong do ô nhiễm không khí*, báo Tin tức và Dân tộc, <https://baotintuc.vn/the-gioi/chuyen-doi-nang-luong-sach-giup-my-giam-manh-tu-vong-do-o-nhiem-khong-khi-20250905222335277.htm>
4. Huy Nguyễn (2024), *Hệ thống giao dịch phát thải tại một số quốc gia trên thế giới*, Tạp chí Kinh tế - Tài chính, <https://tapchikinhhtetaichinh.vn/he-thong-giao-dich-phat-thai-tai-mot-so-quooc-gia-tren-the-gioi-26866.html>
5. Hà Thị Hồng (2025), *Chiến lược phát triển năng lượng sạch ở Đức, Đan Mạch và Trung Quốc: Hàm ý chính sách cho Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, <https://kinhhtevadubao.vn/chien-luoc-phat-trien-nang-luong-sach-o-duc-dan-mach-va-trung-quooc-ham-y-chinh-sach-cho-viet-nam-32286.html>
6. Kim Oanh (2024), *Những quốc gia dẫn đầu về năng lượng tái tạo*, <https://netzero.vn/nhung-quooc-gia-dan-dau-ve-nang-luong-tai-tao/>
7. Minh Ánh (2025), *Ngân hàng Nhà nước công bố sổ tay quản lý rủi ro cho tín dụng xanh*, báo Lao động, <https://laodong.vn/kinh-doanh/ngan-hang-nha-nuoc-cong-bo-so-tay-quan-ly-rui-ro-cho-tin-dung-xanh-1510234.ldo>
8. Nguyễn Hoài Thanh (2024), *Đầu tư năng lượng sạch toàn cầu đạt mức kỷ lục trong năm 2024*, báo điện tử VietnamPlus, [https://www.vietnamplus.vn/da-u-tu-nang-luong-sach-toan-cau-dat-muc-ky-luc-trong-nam-2024-post-1009950.vnp#google\\_vignette](https://www.vietnamplus.vn/da-u-tu-nang-luong-sach-toan-cau-dat-muc-ky-luc-trong-nam-2024-post-1009950.vnp#google_vignette)
9. Tùng Dương (2026), *Việt Nam chính thức hình thành sản giao dịch carbon trong nước*, VnEconomy, <https://vneconomy.vn/viet-nam-chinh-thuc-hinh-thanh-san-giao-dich-carbon-trong-nuoc.htm>
10. Tố Quyên (2024), *Việc làm trong lĩnh vực năng lượng tái tạo tăng cao kỷ lục*, Huế ngày nay online, <https://huengaynay.vn/the-gioi/viec-lam-trong-linh-vuc-nang-luong-tai-tao-tang-cao-ky-luc-146614.html>
11. VCCI (2024), *Khuôn khổ pháp lý kinh tế xanh: Việt Nam mới đi được 1/4 chặng đường*, <https://vcci.com.vn/tin-tuc/khuon-kho-phap-ly-kinh-te-xanh-viet-nam-moi-di-duoc-1-4-chang-duong>
12. Văn Toàn (2021), *Cam kết mạnh mẽ tại COP26 mở ra nhiều cơ hội hợp tác cho Việt Nam*, báo Nhân Dân, <https://nhandan.vn/cam-ket-manh-me-tai-cop26-mo-ra-nhieu-co-hoi-hop-tac-cho-viet-nam-post677259.html>
13. Vũ Nhung (2025), *Xây dựng sổ tay đánh giá rủi ro môi trường và xã hội trong cấp tín dụng*, <https://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/xay-dung-so-tay-danh-gia-rui-ro-moi-truong-va-xa-hoi-trong-cap-tin-dung-18872>